

Số: /ĐHĐT-TCCB
V/v rà soát thông tin tổng hợp thi đua,
khen thưởng năm học 2023 - 2024

Đồng Tháp, ngày tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường

Căn cứ Quyết định số 7064/QĐ-ĐHĐT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp ban hành Quy định Công tác thi đua, khen thưởng tại Trường Đại học Đồng Tháp.

Để chuẩn bị hồ sơ phục vụ phiên họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thực hiện việc bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân năm học 2023 - 2024 được chu đáo, thuận lợi và chính xác, Nhà trường thông báo đến các đơn vị và cá nhân một số nội dung sau:

1. Nhà trường công khai bảng tổng hợp kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng của tập thể, cá nhân năm học 2023 - 2024 để thông tin đến toàn thể viên chức, nhân viên tại Trường Đại học Đồng Tháp biết trước khi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường họp bình xét theo quy định.

Hồ sơ đính kèm Công văn này là:

(1) Bảng tổng hợp kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho tập thể.

(2) Bảng tổng hợp kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho cá nhân.

2. Nếu có thông tin chưa chính xác, cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc có ý kiến phản ánh về các trường hợp bình xét thi đua và các hình thức khen thưởng thì đề nghị các đơn vị tổng hợp và gửi thông tin phản hồi bằng văn bản về Phòng Tổ chức cán bộ, người nhận: viên chức Đặng Thị Anh Ngọc. Thời hạn phản hồi **từ nay đến hết ngày 14/01/2025** để tổng hợp trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xem xét, quyết định.

Đây là thông tin quan trọng để Hội đồng Thi đua - Khen thưởng bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng cho tập thể và cá nhân năm học 2023 - 2024. Nhà trường đề nghị trưởng các đơn vị triển khai cho viên chức, nhân viên trong đơn vị được biết và phối hợp thực hiện tốt tinh thần Thông báo này. 

Nơi nhận:

- HT và các PHT;
- Như trên;
- Đăng D-Office, Website Trường;
- Lưu: VT, TCCB (01), Ngọc.

HIỆU TRƯỞNG

Hồ Văn Thống

TỔNG HỢP KẾT QUẢ BÌNH XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CHO CÁ NHÂN NĂM HỌC 2023-2024

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng								Kết quả thẩm định		
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
1	Trương Tấn Đạt	Lãnh đạo trường	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch HĐT	300	40.5	740.7	1958	90	2,175.6	HTTNV			X	QĐ 3518/QĐ- ĐHĐT (8736/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
2	Hồ Văn Thống	Lãnh đạo trường	Hiệu trưởng	675	40.5	1,666.7	8135	90	9,038.9	HTTNV			X	QĐ 3555/QĐ- ĐHĐT (8733/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
3	Lương Thanh Tân	Lãnh đạo Trường	Phó Hiệu trưởng	247.5	54	458.3	431	120	359.2	HTXSNV			X	QĐ 3112/QĐ- ĐHĐT (8536/XN- ĐHĐT)	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 3106/QĐ- ĐHĐT (8721/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3115/QĐ- ĐHĐT (8530/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BKB
4	Cao Dao Thép	Lãnh đạo Trường	Phó Hiệu trưởng	120	54	222.2	355	120	295.8	HTTNV			X	QĐ 3108/QQĐ- ĐHĐT (8538/XN- ĐHĐT)				X		LĐTT, CSTĐCS	BK TTCP
5	Nguyễn Quốc Vũ	Lãnh đạo trường	Phó Hiệu trưởng	106.5	54	197.2	748	120	623.3	HTTNV			x	QĐ 3113/QĐ- ĐHĐT (8528/XN- ĐHĐT)				x		LĐTT, CSTĐCS	BK TTCP

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
6	Trần Thị Kim Trang	Trung tâm HL Lê Vũ Hùng	Giám đốc	600	67.5	888.9	1700	150	1,133.3	HTTNV			X	QĐ 8413/QĐ- ĐHĐT (8645/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
7	Nguyễn Hoàng Nam	Trung tâm HL Lê Vũ Hùng	Phó Giám đốc	0	0		1894	0		HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
8	Tô Lan Phương	Trung tâm HL Lê Vũ Hùng	Phó Giám đốc	0	0		200	0		HTTNV			X	QĐ 2823/QĐ- ĐHĐT (8924/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
9	Nguyễn Thị Như Quyển	Trung tâm HL Lê Vũ Hùng	Giảng viên	115	67.5	170.4	435	150	290.0	HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
10	Phạm Minh Châu	Trung tâm HL Lê Vũ Hùng	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
11	Lê Thị Kim Chi	Trung tâm HL Lê Vũ Hùng	Thư viện viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
12	Nguyễn Hồng Điều	Trung tâm HL Lê Vũ Hùng	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
13	Lê Thị Thanh Yến	Trung tâm HL Lê Vũ Hùng	Giảng viên	181.5	67.5	268.9	400	150	266.7	HTTNV			X							LĐTT	
14	Nguyễn Thị Kiều Thương	Trung tâm HL Lê Vũ Hùng	Thư viện viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
15	Nguyễn Đức Quang	Trung tâm HL Lê Vũ Hùng	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng								Kết quả thẩm định		
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
16	Phạm Văn Tính	Trung tâm HL Lê Vũ Hùng	Giảng viên	0	0		1500	150	1,000.0	HTTNV			X							LĐTT	
17	Nguyễn Hoàng Anh	Phòng Tổ chức cán bộ	Trưởng phòng	223.16	67.5	330.6	650	150	433.3	HTTNV			X	QĐ 3567/QĐ- ĐHĐT (8822/XN- ĐHĐT)				X		LĐTT, CSTĐCS	BK TTCP
18	Đặng Thị Thu Liễu	Phòng Tổ chức cán bộ	Phó Trưởng phòng	191	81	235.8	1517	180	842.8	HTTNV			X	QĐ 3112/QĐ- ĐHĐT (8536/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
19	Bùi Văn Diễn	Phòng Tổ chức cán bộ	Phó Trưởng phòng	0	0		130	0		HTXSNV			X	QĐ 3108/QĐ- ĐHĐT (8538/XN- ĐHĐT)	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 3107/QĐ- ĐHĐT (8732/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3115/QĐ- ĐHĐT (8530/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B
20	Trần Thanh Phúc	Phòng Tổ chức cán bộ	Giảng viên	127.8	67.5	189.3	500	150	333.3	HTXSNV			X	X	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 3106/QĐ- ĐHĐT (8721/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3573/QĐ- ĐHĐT (8909/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
21	Dương Văn Anh	Phòng Tổ chức cán bộ	Giảng viên	90	67.5	133.3	90	150	60.0	HTTNV			X							LĐTT		
22	Võ Thị Kim Tiến	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		
23	Nguyễn Văn Phước Tiến	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X	QĐ 3112/QĐ- ĐHĐT (8536/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
24	Đinh Đào Tấn Phát	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		
25	Đặng Thị Ánh Ngọc	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên	0	0		0	0			X									Không xét		
26	Nguyễn Lê Thuỳ Linh	Phòng Tổ chức cán bộ	Chuyên viên	0	0		0	0			X									Không xét		
27	Đặng Trường Trung Tín	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Trưởng phòng	320	67.5	474.1	450	180	250.0	HTTNV			x	QĐ 3537/QĐ- ĐHĐT ngày 8/7/2024 (xác nhận 8911/XN- ĐHĐT 11/12/2024	BKB (CSTĐCS) 1. QĐ 3479/QĐ- ĐHĐT (8989/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3107/QĐ- ĐHĐT (8732/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	BK B

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
28	Nguyễn Phan Minh Trung	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Phó Trưởng phòng	0	0		1200	0		HTXSNV			x	QĐ 3427/QĐ- ĐHĐT ngày 24/7/2024 (xác nhận 8986/XN- ĐHĐT 13/12/2024)	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 3538/QĐ- ĐHĐT (8912/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3539/QĐ- ĐHĐT (8913/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B
29	Trần Văn Phúc	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Giảng viên	369	67.5	546.7	800	150	533.3	HTTNV			x							LĐTT	
30	Lương Mộng Thuý	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Giảng viên	170	67.5	251.9	500	150	333.3	HTTNV			x	QĐ 3540/QĐ- ĐHĐT (8910/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
31	Trần Ngọc Quỳnh Hương	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	0	0		0	0		HTXSNV			x	X						LĐTT, CSTĐCS	
32	Lê Bảo Tuấn	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			x	QĐ 6935/QĐ- ĐHĐT (8847/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
33	Trần Ngọc Bảo Tâm	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			x							LĐTT	
34	Huỳnh Tấn Thạch	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Giảng viên	133.5	67.5	197.8	1400	150	933.3	HTTNV			x	QĐ 3540/QĐ- ĐHĐT (8910/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
35	Hồ Sỹ Thắng	Phòng Đào tạo Sau đại học	Trưởng phòng	240	67.5	355.6	3525	150	2,350.0	HTXSNV			x	QĐ 3552/QĐ- ĐHĐT (8919/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)															
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
36	Lê Thị Tuyết Trinh	Phòng Đào tạo Sau đại học	Phó Trưởng phòng	120	67.5	177.8	5075	150	3,383.3	HTTNV			x							LĐTT		
37	Nguyễn Thanh Hà	Phòng Đào tạo Sau đại học	Chuyên viên	0	0		300	0		HTTNV			x							LĐTT		
38	Nguyễn Hữu Gọn	Phòng Đào tạo Sau đại học	Giảng viên	75	67.5	111.1	1,200	150	800.0	HTTNV			x	8402/QĐ- ĐHĐT (8634/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
39	Lý Huy Hoàng	Phòng Đào tạo Sau đại học	Giảng viên	118.95	67.5	176.2	1160	150	773.3	HTTNV			x	QĐ 3523/QĐ- ĐHĐT (8920/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
40	Lê Thị Bích Tuyền	Phòng Đào tạo Sau đại học	Chuyên viên	0	0		233	0		HTTNV			x							LĐTT		
41	Nguyễn Trần Ngọc Hân	Phòng Đào tạo Sau đại học	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			x							LĐTT		
42	Cái Thị Lê Nương	Trung tâm Dịch vụ	Giám đốc	0	0		0	0		HTTNV			X	QĐ 3103/QĐ- ĐHĐT (8534/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
43	Trần Thị Hiệp	Trung tâm Dịch vụ	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X	QĐ 3103/QĐ- ĐHĐT (8534/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
44	Nguyễn Trường Tín	Trung tâm Dịch vụ	Chuyên viên	0	0		0	0		HTXSNV			X	QĐ 3103/QĐ- ĐHĐT (8534/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
45	Lê Phước Vinh	Trung tâm Dịch vụ	Giảng viên	105	67.5	155.6	800	180	444.4	HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
46	Nguyễn Thanh Tùng	Trung tâm Dịch vụ	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)															
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
47	Bùi Thị Nguyệt	Trung tâm Dịch vụ	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			
48	Võ Thị Hằng	Trung tâm Dịch vụ	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			
49	Phan Ngọc Hạnh	Trung tâm Dịch vụ	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			
50	Võ Thùy Bích Duyên	Trung tâm Dịch vụ	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			
51	Nguyễn Thị Phương Thảo	Trung tâm Dịch vụ	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			
52	Nguyễn Thuận Quý	Trường THSP MN Hoa Hồng	Trưởng đơn vị	485	150	323.3	600	150	400.0	HTTNV			X						LĐTT			
53	Võ Thị Thanh Bình	Trường THSP MN Hoa Hồng	Tổ trưởng Tổ văn phòng	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			
54	Nguyễn Ngọc Lan Anh	Trường THSP MN Hoa Hồng	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	0	0		0	0		HTXSNV			X	X					LĐTT, CSTĐCS			
55	Phó Nguyễn Tường Giang	Trường THSP MN Hoa Hồng	Tổ phó Tổ chuyên môn	0	0		900	0		HTTNV			X	QB 6547/QĐ- ĐHĐT (9079/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
56	Trần Thị Bé Ngân	Trường THSP MN Hoa Hồng	Giáo viên	0	0		0	0		HTXSNV			X	X					LĐTT, CSTĐCS			
57	Trương Thanh Tuyền	Trường THSP MN Hoa Hồng	Giáo viên	0	0		0	0		HTXSNV			X	X					LĐTT, CSTĐCS			

[illegible]

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng								Kết quả thẩm định			
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
70	Trần Thụy Như Phượng	Trung tâm LKĐT-BDN	Giám đốc	59.4	67.5	88.0	275	150	183.3	HTTNV			x							LĐTT		
71	Trần Văn Luận	Trung tâm LKĐT-BDN	Phó Giám đốc	100.5	81	124.1	813	180	451.7	HTTNV			x	QĐ 3116/QĐ- ĐHĐT (8537/XN- ĐHĐT 10/12/2024)	BKB (CSTĐCS) 1. QĐ 2825/QĐ- ĐHĐT 8739/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3574/QĐ- ĐHĐT (8901/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	BK B
72	Nguyễn Văn Đệ	Trung tâm LKĐT-BDN	Giảng viên	540	68	794.1	2995	150	1,996.7	HTTNV			x							LĐTT		
73	Lê Thị Kim Anh	Khoa GDTH-MN (nguyên là viên chức Trung tâm LKĐT-BDN)	Phó Trưởng khoa	314.4	81	388.1	1615	180	897.2	HTXSNV			x	x						LĐTT, CSTĐCS		
74	Đỗ Thị Thu Ba	Trung tâm LKĐT-BDN	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			x							LĐTT		
75	Nguyễn Thị Huỳnh Như	Trung tâm LKĐT-BDN	Giảng viên	76	68	111.8	1280	150	853.3	HTTNV			x	x						LĐTT, CSTĐCS		
76	Võ Tấn Vinh	Trung tâm LKĐT-BDN	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			x							LĐTT		
77	Nguyễn Hữu Nghị	Trung tâm LKĐT-BDN	Giảng viên	301	67.5	445.9	1510	150	1,006.7	HTXSNV			x	x						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)															
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
78	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Trung tâm LKĐT-BDN	Giảng viên	30	67.5	44.4	783	150	522.0	HTTNV			x							LĐTT		
79	Đoàn Trung Chánh	Trung tâm LKĐT-BDN	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			x							LĐTT		
80	Võ Châu Hạnh	Trung tâm LKĐT-BDN	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			x							LĐTT		
81	Đinh Văn Nhân	Trung tâm LKĐT-BDN	Chuyên viên	145.6	67.5	215.7	200	150	133.3	HTTNV			x							LĐTT		
82	Đặng Thị Tiến Thành	Trung tâm LKĐT-BDN	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			x							LĐTT		
83	Nguyễn Thị Phương Mai	Trung tâm LKĐT-BDN	Chuyên viên	0	0		0	0		HTXSNV			x	x						LĐTT, CSTĐCS		
84	Võ Thị Bích Ngoan	Trung tâm LKĐT-BDN	Giảng viên	332	67.5	491.9	400	150	266.7	HTTNV			x	QĐ 3573/QĐ- ĐHĐT (8909/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
85	Phạm Văn Hiệp	Phòng CTSV&TT	Trưởng phòng	36.3	0		350	150	233.3	HTT NV			X	QĐ 3578/QĐ- ĐHĐT (8765/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
86	Trần Mạnh Thúy Quỳnh	Phòng CTSV&TT	Phó Trưởng phòng	193	81	238.3	403	180	223.9	HTXSNV			X	X	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 3110/QĐ- ĐHĐT (8531/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8455/QĐ- ĐHĐT (8873/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B	
87	Nguyễn Văn Nghiêm	Phòng CTSV&TT	Phó Trưởng phòng	140	81	172.8	746	180	414.4	HTTNV			X	QĐ 3111/QĐ- ĐHĐT (8527/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
88	Phạm Trọng Nhân	Phòng CTSV&TT	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			
89	Huỳnh Thiện Tân	Phòng CTSV&TT	Giảng viên	135	67.5	200.0	200	150	133.3	HTTNV			X	QĐ 3117/QĐ- ĐHĐT (8532/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
90	Vũ Nguyên Chấn	Phòng CTSV&TT	Giảng viên	500	67.5	740.7	290	150	193.3	HTTNV			X	QĐ 3117/QĐ- ĐHĐT (8532/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
91	Nguyễn Thanh Nguyên	Phòng CTSV&TT	Chuyên viên	0	0		3581	0		HTTNV			X	QĐ 2799/QĐ- ĐHĐT (8552/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
92	Nguyễn Thị Thanh Nguyên	Phòng CTSV&TT	Giảng viên	69.3	67.5	102.7	1083	150	722.0	HTTNV			X	QĐ 2816/QĐ- ĐHĐT (8900/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
93	Đặng Thị Diễm Tiên	Phòng CTSV&TT	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng								Kết quả thẩm định		
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
94	Bùi Ngọc Ngà	Phòng CTSV&TT	Chuyên viên	0	0		300	0		HTTNV			X	QĐ 3532/QĐ- ĐHĐT (8894/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
95	Phạm Nhựt Khoa	Phòng CTSV&TT	Chuyên viên	0	0		60	0		HTXS NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
96	Nguyễn Hoàng Long	Phòng CTSV&TT	Chuyên viên	0	0		110	0		HTXS NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
97	Đặng Hoài Phong	Phòng CTSV&TT	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
98	Mai Thị Kim Thoa	TTDV (Nguyên là viên chức Phòng CTSV&TT)	Giảng viên	270	67.5	400.0	155	150	103.3	HTTNV			X	QĐ 3463/QĐ- ĐHĐT (8578/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
99	Lê Thị Bé Sáu	TTDV (Nguyên là viên chức Phòng CTSV&TT)	Y sỹ	0	0		0	0		HTTNV			X		B (hưu)					LĐTT	BK B (hưu)
100	Nguyễn Minh Huyền	TTDV (Nguyên là viên chức Phòng CTSV&TT)	Y sỹ	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
101	Nguyễn Văn Hưng	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Giám đốc	204	67.5	302.2	6711	180	3,728.3	HTTNV			X	1.QĐ 3526/QĐ- ĐHĐT (8887/XN- ĐHĐT) 2.QĐ 3527/QĐ- ĐHĐT (8888/XN- ĐHĐT) 3.QĐ 3528/QĐ- ĐHĐT (8889/XN- ĐHĐT) 4.QĐ 3529/QĐ- ĐHĐT(8890/XN- ĐHĐT) 5.QĐ 3530/QĐ- ĐHĐT (8891/XN- ĐHĐT) 6.QĐ 3562/QĐ- ĐHĐT (8898/XN- ĐHĐT)				X		LĐTT, CSTĐCS	BK TTCP
102	Võ Thị Phượng	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Phó Giám đốc	411.65	81	508.2	2667	180	1,481.7	HTTNV			X	QĐ 3455/QĐ- ĐHĐT (8570/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
103	Nguyễn Thị Bích Phượng	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Phó Giám đốc	115	81	142.0	180	180	100.0	HTTNV			X							LĐTT	
104	Phan Trung Cang	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Giảng viên	43	67.5	63.7	860	150	573.3	HTTNV			X	QĐ 3561/QĐ- ĐHĐT (8895/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
105	Nguyễn Ngọc Bích	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Giảng viên	70.5	67.5	104.4	4496	150	2,997.3	HTXS NV			X	X	BKB 1. QĐ 3513/QĐ- ĐHĐT (8625/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3514/QĐ- ĐHĐT (8626/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B	
106	Trần Thị Xuân Mai	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Giảng viên	126	67.5	186.7	250	150	166.7	HTTNV			X	QĐ 2815/QĐ- ĐHĐT (8914/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
107	Huỳnh Thị Ngọc Thanh	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Giảng viên	251	67.5	371.9	500	150	333.3	HTXS NV			X	X					LĐTT, CSTĐCS			
108	Nguyễn Minh Luân	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Chuyên viên	120	0		2168	0		HTTNV			X	1. QĐ 3531/QĐ- ĐHĐT(8893/X N-ĐHĐT) 2. QĐ 3532/QĐ- ĐHĐT (8894/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
109	Nguyễn Văn Xu	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Giảng viên	270	67.5	400.0	477	150	318.0	HTTNV			X	QĐ 3102/QĐ- ĐHĐT (8723/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
110	Huỳnh Ngọc Tâm	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Giảng viên	233.4	67.5	345.8	1100	150	733.3	HTTNV			X	QĐ 2817/QĐ- ĐHĐT (8896/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
111	Trần Văn Mạnh	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Giảng viên	509	270	188.5	850	600	141.7	HTTNV			X	QĐ 6555/QĐ- ĐHĐT (8892/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
112	Tô Bá Cường	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		
113	Nguyễn Cẩm Đào	Trung tâm Thực hành- Thí nghiệm	Chuyên viên	0	0		0	0		HTXS NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
114	Vô Minh Lâm	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Phó Giám đốc phụ trách	165	67.5	244.4	500	150	333.3	HTTNV			X	QĐ 2812/QĐ- ĐHĐT (8907/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
115	Lê Quang Minh	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Phó Giám đốc	225	67.5	333.3	900	180	500.0	HTXS NV			X	X				X		LĐTT, CSTĐCS	BK TTCP	
116	Huỳnh Cẩm Thảo Trang	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Giảng viên	0	0		5023	240	2,092.9	HTTNV			X							LĐTT		
117	Cao Thị Thanh Nghĩa	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Chuyên viên	0	0		200	0		HTTNV			X	QĐ 3531/QĐ- ĐHĐT (8893/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
118	Vũ Thị Lý	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Chuyên viên	0	0		1000	0		HTTNV			X	QĐ 2812/QĐ- ĐHĐT (8907/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
119	Trần Thị Thùy Dung	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Giảng viên	67.5	67.5	100.0	1200	150	800.0	HTTNV			X	QĐ 3573/QĐ- ĐHĐT (8909/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTD Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
120	Lê Tấn Lộc	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Giảng viên	761	67.5	1,127.4	450	150	300.0	HTTNV			X	QĐ 6555/QĐ- ĐHĐT (8892/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
121	Huỳnh Hồng Hạnh	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Chuyên viên	0	0		200	0		HTTNV			X	QĐ 3531/QĐ- ĐHĐT (8893/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
122	Bùi Thanh Tính	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Giảng viên	350.9	67.5	519.9	1320	150	880.0	HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
123	Phạm Mai Duy	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Chuyên viên	0	0		200	0		HTTNV			X	QĐ 3531/QĐ- ĐHĐT (8893/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
124	Lê Thị Ngọc Diệp	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
125	Tiêu Ngọc Thúy	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Trợ giảng	96	67.5	142.2	44	150	29.3	HTTNV			X							LĐTT	
126	Trần Thị Yến Nhi	Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học	Chuyên viên	0	0		0	0			X									Không xét	
127	Hồ Minh Quang	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Trưởng phòng	0	0		297	0		HTTNV			X	QĐ 3116/QĐ- ĐHĐT (8537/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
128	Đỗ Ngọc Hồ	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Phó Trưởng phòng	0	0		0	0		HTTNV			X	QĐ 3116/QĐ- ĐHĐT (8537/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
129	Trần Ngọc Thuận	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Phó Trưởng phòng	300	0		1033	0		HTTNV			X	QĐ 3538/QĐ- ĐHĐT (8912/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
130	Phạm Bình Phương My	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	0	0		0	0		HTXS NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
131	Nguyễn Anh Thùy	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	0	0		0	0		HTXS NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
132	Huỳnh Thanh Dũng	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	0	0		0	0		HTSX NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
133	Vô Ngọc Toàn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Nhân viên	0	0		0	0		HTSX NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
134	Nguyễn Nhất Nhân	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Nhân viên	0	0		0	0		HTSX NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
135	Nguyễn Thùy Vương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
136	Vũ Thị Bích Ngọc	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
137	Võ Nguyễn Như Thủy	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
138	Lê Thị Cẩm Nương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
139	Huỳnh Tiên Tri	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
140	Nguyễn Văn Hiếu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
141	Nguyễn Long Huỳnh	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
142	Lê Văn Lương	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
143	Nguyễn Anh Vũ	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
144	Nguyễn Anh Tuấn	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	

[illegible]

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định		
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
153	Phạm Trung Hậu	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Nhân viên	0	0		0	0			X									Không xét		
154	Nguyễn Văn Bình	Phòng TB&XD CB	Trưởng phòng	0	0		0	0		HTTNV			X	QĐ 3105/QĐ- ĐHĐT (8535/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
155	Nguyễn Minh Phương	Phòng TB&XD CB	Phó Trưởng phòng	0	0		0	0		HTTNV			X	QĐ 3541/QĐ- ĐHĐT (8906/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
156	Huỳnh Thị Thúy Vân	Phòng TB&XD CB	Chuyên viên	0	0		0	0		HTXSNV			X	X	BKT 1. QĐ 3480/QĐ- ĐHĐT (8595/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3541/QĐ- ĐHĐT (8906/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	BKT
157	Nguyễn Thanh Hải	Phòng TB&XD CB	Chuyên viên	0	0		0	0		HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
158	Bạch Văn Nghĩa	Phòng TB&XD CB	Chuyên viên	0	0		0	0		HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
159	Nguyễn Văn Thọ	Phòng TB&XDCB	Chuyên viên	0	0		0	0		HTXSNV			X	X	BKT 1. QĐ 3541/QĐ- ĐHĐT (8906/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3542/QĐ- ĐHĐT (8875/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK T	
160	Hồ Anh Trí	Phòng TB&XDCB	Nhân viên	0	0		0	0		HTXSNV			X	X					LĐTT, CSTĐCS			
161	Nguyễn Thanh Ái	Phòng TB&XDCB	Nhân viên	0	0		0	0		HTXSNV			X	X					LĐTT, CSTĐCS			
162	Nguyễn Văn Hậu	Phòng TB&XDCB	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X	QĐ 3104/QĐ- ĐHĐT (8722/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
163	Kiều Minh Nhân	Phòng TB&XDCB	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			
164	Trần Ngọc Thành	Phòng TB&XDCB	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			
165	Kiều Trung Nguyên	Phòng TB&XDCB	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			
166	Đặng Thái Thanh Trúc	Phòng TB&XDCB	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định		
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước								
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)																
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao		
167	Hà Thái Thủy Lê	Phòng TB&XDCB	Giảng viên chính	212.2	67.5	314.4	1030	150	686.7	HTTNV				X	QĐ 3105/QĐ- ĐHĐT (8535/XN- ĐHĐT)	BKB 1. QĐ 3104/QĐ- ĐHĐT (8722/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3567/QĐ- ĐHĐT (8922/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	BKB
168	Ngô Văn Hùng	Phòng TB&XDCB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV				X							LĐTT		
169	Hồ Văn Dũng	Phòng TB&XDCB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV				X							LĐTT		
170	Trần Văn Tèo	Phòng TB&XDCB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV				X							LĐTT		
171	Huỳnh Minh Tuấn	Phòng TB&XDCB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV				X							LĐTT		
172	Nguyễn Văn Út Nhỏ	Phòng TB&XDCB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV				X							LĐTT		
173	Nguyễn Văn Thân	Phòng TB&XDCB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV				X							LĐTT		
174	Cao Thị Thu Nguyệt	Phòng TB&XDCB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV				X							LĐTT		
175	Lê Thị Sánh	Phòng TB&XDCB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV				X							LĐTT		
176	Lê Thị Khỏ	Phòng TB&XDCB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV				X							LĐTT		
177	Nguyễn Thị Quý	Phòng TB&XDCB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV				X							LĐTT		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
178	Dương Thị Bạch Tuyết	Phòng TB&XD CB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
179	Lê Thị Niên	Phòng TB&XD CB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
180	Đặng Bích Thuận	Phòng TB&XD CB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
181	Huỳnh Văn Bé Nhỏ	Phòng TB&XD CB	Nhân viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
182	Trần Văn Triều	Phòng TB&XD CB	Giảng viên	0	0		0	0		HTNV		X								Không đạt	
183	Nguyễn Thành Duyên	Phòng TB&XD CB	Nhân viên	0	0		0	0		HTNV		X								Không đạt	
184	Lê Thị Bích Thủy	Phòng TB&XD CB	Nhân viên	0	0		0	0			X									Không xét	
185	Đặng Thị Phương Hằng	Phòng TB&XD CB	Nhân viên	0	0		0	0			X									Không xét	
186	Bùi Trường An	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	295	135	218.5	900	600	150.0	HTTNV			X	QĐ 8703/QĐ- ĐHĐT (8858/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
187	Lê Thanh Nguyệt Anh	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	716.5	232.2	308.6	4785	600	797.5	HTTNV			X	QĐ 8456/QĐ- ĐHĐT (8871/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
188	Trần Ngọc Ánh	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	1002.36	229.5	436.8	1340	510	262.7	HTTNV			X	QĐ 8454/QĐ- ĐHĐT (8874/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
189	Phạm Thị Kim Chi	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	527	0		1333	0		HTSXNV			X	QĐ 6551/QĐ- ĐHĐT (9064/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
190	Bùi Thị Kim Hằng	Khoa Ngoại ngữ	Phó Trưởng Bộ môn	1247	229	544.5	1500	510	294.1	HTTNV			X	QĐ 8401/QĐ- ĐHĐT (8633/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
191	Trần Thị Hiền	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	1062	224.45	473.2	1950	510	382.4	HTTNV			X	QĐ 8457/QĐ- ĐHĐT (8872/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
192	Đỗ Minh Hùng	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên cao cấp	742	216	343.5	6000	600	1,000.0	HTTNV			X							LĐTT		
193	Nguyễn Thanh Huy	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	696	270	257.8	1510	600	251.7	HTXS NV			X	X	BKB (HTXS NV) 1. QĐ 3485/QĐ- ĐHĐT (9065/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8464/QĐ- ĐHĐT (8870/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	BK B
194	Lê Duyên Khánh	Khoa Ngoại ngữ	Trợ giảng	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
195	Huỳnh Ngọc Linh	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	358	67.5	530.4	700	150	466.7	HTXSNV			X	QĐ 8455/QĐ- ĐHĐT (8873/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
196	Nguyễn Thị Thúy Liên	Khoa Ngoại ngữ	Trợ giảng	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		
197	Lê Nhứt Long	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	932.5	225.45	413.6	600	510	117.6	HTTNV			X							LĐTT		
198	Lê Thành Long	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	1403.9	209	671.7	1500	600	250.0	HTTNV			X	QĐ 8430/QĐ- ĐHĐT (8662/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
199	Võ Phan Thu Ngân	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	793	162	489.5	5143	600	857.2	HTTNV			X	QĐ 8464/QĐ- ĐHĐT (8870/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
200	Bùi Thị Cao Nguyên	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	838	225.45	371.7	1000	510	196.1	HTTNV			X							LĐTT		
201	Nguyễn Văn Tám	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	0	0		0	0		HTSXNV			X	QĐ 8431/QĐ- ĐHĐT (8663/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
202	Trần Thanh Tâm	Khoa Ngoại ngữ	Phó Trưởng khoa	1912.9	189	1,012.1	900	420	214.3	HTTNV			X	QĐ 6537/QĐ- ĐHĐT (8687/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
203	Phạm Văn Tặc	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên chính	636.4	229.5	277.3	1600	510	313.7	HTTNV			X							LĐTT		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
204	Trần Thiện Tánh	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	737.7	221.4	333.2	1000	510	196.1	HTTNV			X							LĐTT		
205	Lê Văn Tiền	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	1210.65	106.5	1,136.8	900	600	150.0	HTTNV			X							LĐTT		
206	Võ Thị Kim Thảo	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	894.5	221.4	404.0	900	510	176.5	HTTNV			X							LĐTT		
207	Mai Thị Thảo	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	854.9	106.65	801.6	1111	231.3	480.3	HTTNV			X	QĐ 8457/QĐ- ĐHĐT (8872/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
208	Lê Hồng Phương Thảo	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	888	225.45	393.9	2550	510	500.0	HTTNV			X	QĐ 8433/QĐ- ĐHĐT (8665/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
209	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	724.02	229.5	315.5	1500	510	294.1	HTTNV			X							LĐTT		
210	Phan Ngọc Thạch	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	1434.96	270	531.5	7217	600	1,202.8	HTXS NV			X	QĐ 8433/QĐ- ĐHĐT (8666/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
211	Nguyễn Thị Đan Thanh	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	480	67.5	711.1	1500	150	1,000.0	HTTNV			X	QĐ 8399/QĐ- ĐHĐT (8861/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
212	Võ Thị Anh Thư	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	726	221.4	327.9	2790	492	567.1	HTTNV			X	QĐ 8464/QĐ- ĐHĐT (8870/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
213	Hồng Diễm Thúy	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	774.3	209.25	370.0	2700	468	576.9	HTTNV			X	QĐ 8464/QĐ- ĐHĐT (8870/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
214	Phan Thùy Trang	Khoa Ngoại ngữ	Phó Trưởng Bộ môn	934.4	229.5	407.1	900	510	176.5	HTXSNNV			X	X	BKB (HTXSNNV) 1. QĐ 8700/QĐ- ĐHĐT (8859/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3289/QĐ- ĐHĐT (9063/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 3485/QĐ- ĐHĐT 9065/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B	
215	Ngô Phương Thủy	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	425.7	229.5	185.5	800	510	156.9	HTTNV			X							LĐTT		
216	Lê Thanh Thủy	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	449.72	229.5	196.0	900	510	176.5	HTTNV			X							LĐTT		
217	Phan Thái Anh Thư	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	603.9	229.5	263.1	900	600	150.0	HTTNV			X							LĐTT		
218	Nguyễn Châu Minh Thư	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
219	Nguyễn Ngọc Trinh	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	294	67.5	435.6	500	150	333.3	HTTNV			X	QĐ 8455/QĐ- ĐHĐT (8873/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
220	Phạm Huỳnh Thúy Uyên	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	487.5	110.7	440.4	677	231.3	292.7	HTTNV			X	QĐ 8454/QĐ- ĐHĐT (8874/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
221	Trương Võ Minh Châu	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	0	0		0	0			x									Không xét		
222	Võ Thanh Bảo	Khoa Ngoại ngữ	Trợ giảng	0	0		0	0			x									Không xét		
223	Lê Huỳnh Thanh Huy	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	0	0		0	0			X									Không xét		
224	Nguyễn Bảo Trâm	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	0	0		0	0			x									Không xét		
225	Vi Ngọc Trân	Khoa Ngoại ngữ	Trợ giảng	0	0		0	0			x									Không xét		
226	Nguyễn Hữu Duyệt	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	Giảng viên	279	67.5	413.3	350	150	233.3	HTTNV			X							LĐTT		
227	Lương Thái Ngọc	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	Giảng viên	682	189	360.8	1759	600	293.2	HTTNV			X							LĐTT		
228	Lê Bảo Quốc	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	Giảng viên	666.38	280	238.0	260.4	130	200.3	HTTNV			X							LĐTT		
229	Nguyễn Anh Thoại	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	Giảng viên	229.5	229.5	100.0	833	510	163.3	HTTNV			X							LĐTT		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)														
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao
241	Nguyễn Tuấn Khanh	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	Giảng viên	0	0		0	0			X								Không xét		
242	Nguyễn Văn Lót	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	Giảng viên	0	0		0	0			X								Không xét		
243	Nguyễn Huỳnh Thanh Hà	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	Giảng viên	0	0		0	0			X								Không xét		
244	Lê Mỹ Duyên	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	Chuyên viên	0	0		0	0			X								Không xét		
245	Lê Minh Hiếu	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	Giảng viên	0	0		0	0			X								Không xét		
246	Võ Phú Toàn	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	Giảng viên	0	0		0	0			X								Không xét		
247	Nguyễn Tuấn Kiệt	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	Trợ giảng	0	0		0	0			X								Không xét		
248	Nguyễn Anh Thư	Phòng Hợp tác quốc tế	Trưởng phòng	858.1	67.5	1,271.3	0	150	0.0	HTTNV			X						LĐTT		
249	Lê Chánh Trực	Phòng Hợp tác quốc tế	Chuyên viên	120	67.5	177.8	750	150	500.0	HTTNV			X						LĐTT		
250	Đặng Kim Hồng	Phòng Hợp tác quốc tế	Chuyên viên	863	67.5	1,278.5	150	300	50.0	HTTNV			X						LĐTT		
251	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phòng Hợp tác quốc tế	Chuyên viên	326	67.5	483.0	1050	150	700.0	HTXSNV			X	X					LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
252	Đinh Thị Hồng Loan	Phòng Hợp tác quốc tế	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
253	Trần Đào Nhị Vy	Phòng Hợp tác quốc tế	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	
254	Hồ Nguyễn Uyên Thanh	Phòng Hợp tác quốc tế	Chuyên viên	0	0		0	0			X									Không xét	
255	Bùi Văn Thắng	Phòng Đào tạo	Trưởng phòng	210	67.5	311.1	2200	150	1,466.7	HTTNV			X	QĐ 3523/QĐ- ĐHĐT (8920/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
256	Nguyễn Ngọc Hiền	Phòng Đào tạo	Phó Trưởng phòng	405	81	500.0	1400	180	777.8	HTTNV			X	QĐ 2822/QĐ- ĐHĐT (8921/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
257	Nguyễn Thị Nhanh	Phòng Đào tạo	Phó Trưởng phòng	101.64	81	125.5	1000	180	555.6	HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
258	Lê Anh Tuấn	Phòng Đào tạo	Giảng viên	67.5	67.5	100.0	300	150	200.0	HTTNV			X	QĐ 8460/QĐ- ĐHĐT (8743/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
259	Tổng Thế Thương	Phòng Đào tạo	Chuyên viên	0	0		400	0		HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
260	Lê Thị Ngọc Mai	Phòng Đào tạo	Giảng viên	78	67.5	115.6	1000	150	666.7	HTTNV			X	QĐ 3525/QĐ- ĐHĐT (8916/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
261	Trần Thanh Thúy	Phòng Đào tạo	Chuyên viên	0	0		567	0		HTTNV			X	QĐ 3525/QĐ- ĐHĐT (8916/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
262	Phạm Thiết Trường	Phòng Đào tạo	Giảng viên	165	67.5	244.4	533	150	355.3	HTTNV			X	QĐ 3567/QĐ- ĐHĐT (8922/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
263	Vô Duy Thanh	Phòng Đào tạo	Giảng viên	150	67.5	222.2	500	150	333.3	HTTNV			X	QĐ 3524/QĐ- ĐHĐT (8915/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
264	Trần Tuấn Anh	Phòng Đào tạo	Giảng viên	150	67.5	222.2	500	150	333.3	HTTNV			X	QĐ 8716/QĐ- ĐHĐT (8761/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
265	Nguyễn Phúc Huy	Phòng Đào tạo	Giảng viên	187.5	67.5	277.8	400	150	266.7	HTTNV			X	QĐ 3573/QĐ- ĐHĐT (8909/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
266	Trần Thị Bích Phượng	Phòng Đào tạo	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		
267	Phan Hồng Khanh	Phòng Đào tạo	Giảng viên	125.8	67.5	186.4	450	150	300.0	HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
268	Lê Hoàng Mai	Phòng Bảo đảm chất lượng	Trưởng phòng	67.5	297	22.7	825	150	550.0	HTTNV			x	QĐ 3450/QĐ- ĐHĐT (8565/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
269	Nguyễn Thị Kim Lan	Phòng Bảo đảm chất lượng	Phó Trưởng phòng	81	81	100.0	1800	180	1,000.0	HTXSNV			x	x						LĐTT, CSTĐCS		
270	Nguyễn Quốc Tuấn	Phòng Bảo đảm chất lượng	Phó Trưởng phòng	180	81	222.2	467	180	259.4	HTTTNV			x	QĐ 3519/QĐ- ĐHĐT (8903/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
271	Nguyễn Văn Cảnh	Phòng Bảo đảm chất lượng	Chuyên viên	51	67.5	75.6	3500	150	2,333.3	HTTNV			x	1. QĐ 3452/QĐ- ĐHĐT (8567/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3519/QĐ- ĐHĐT (8903/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 3520/QĐ- ĐHĐT (8904/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
272	Nguyễn Quốc Thanh	Phòng Bảo đảm chất lượng	Chuyên viên	158.4	67.5	234.7	200	150	133.3	HTTNNV			x							LĐTT		
273	Huỳnh Khải Vinh	Phòng Bảo đảm chất lượng	Chuyên viên	239.58	67.5	354.9	767	150	511.3	HTTNNV			x	QĐ 8460/QĐ- ĐHĐT (8743/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
274	Huỳnh Trần Kim Uyên	Phòng Bảo đảm chất lượng	Chuyên viên	245.7	0		3200	0		HTTNNV			x	QĐ 2805/QĐ- ĐHĐT (8558/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
275	Nguyễn Thị Kim Phượng	Phòng Bảo đảm chất lượng	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNNV			X							LĐTT		
276	Lê Thị Thanh	Phòng Bảo đảm chất lượng	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNNV			X							LĐTT		
277	Châu Nhật Duy	Phòng Bảo đảm chất lượng	Chuyên viên	270	270	100.0	600	600	100.0	HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
278	Hà Vũ Hoàng	Phòng Bảo đảm chất lượng	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		
279	Phan Trọng Nam	Phòng Khoa học và Công nghệ	Trưởng phòng	390	67.5	577.8	2197	150	1,464.7	HTTNV			X	QĐ 8457/QĐ- ĐHĐT (8872/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
280	Danh Trung	Phòng Khoa học và Công nghệ	Phó Trưởng phòng	215	81	265.4	1084	180	602.2	HTTNV			X	QĐ 3117/QĐ- ĐHĐT (8532/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
281	Tăng Thái Thụy Ngân Tâm	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên	45	0		1551	0		HTTNV			X	QĐ 3117/QĐ- ĐHĐT (8532/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
282	Hoàng Thị Thùy Dương	Phòng Khoa học và Công nghệ	Giảng viên	128.2	67.5	189.9	1326.67	150	884.4	HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
283	Võ Phượng Vy	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên	251	0		477	0		HTTNV			X	QĐ 8457/QĐ- ĐHĐT (8872/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
284	Nguyễn Minh Thảo	Phòng Khoa học và Công nghệ	Giảng viên	188.1	67.5	278.7	4239	150	2,826.0	HTTNV			X	1. QĐ 3561/QĐ- ĐHĐT (8895/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8457/QĐ- ĐHĐT (8532/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 3552/QĐ- ĐHĐT (8919/XN- ĐHĐT) 4. QĐ 3523/QĐ- ĐHĐT (8920/XN- ĐHĐT) 5. QĐ 2815/QĐ- ĐHĐT (8914/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
285	Nguyễn Thị Mộng Thu	Phòng Khoa học và Công nghệ	Chuyên viên	0	0		0	0			X									Không xét		
286	Lư Ngọc Trâm Anh	Khoa SP KHTN (nguyên là viên chức Phòng KH&CN)	Giảng viên	215	67.5	318.5	3503	150	2,335.3	HTTNV			X	QĐ 3578/QĐ- ĐHĐT (8765/XN- ĐHĐT) 331/QĐ- BGĐĐT						LĐTT, CSTĐCS		
287	Nguyễn Thị Song Thương	Khoa VH- DL và CTXH	Trưởng khoa	306.9	189.0	162.4	500	420	119.0	HTTNV			x	QĐ 2825/QĐ- ĐHĐT (8739/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

[illegible]

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
296	Dương Thanh Tùng	Khoa VH-DL và CTXH	Giảng viên	0	0		4550	600	758.3	HTTNV			x	QĐ 2801/QĐ-ĐHĐT (8554/XN-ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
297	Lương Thị Huỳnh Như	Khoa VH-DL và CTXH	Chuyên viên	99	0	99.0	0	0		HTTNV			x							LĐTT		
298	Trần Thảo Nhi	Khoa VH-DL và CTXH	Chuyên viên	0	0	0.0	0	0		HTNV		x								Không đạt		
299	Dương Văn Khánh	Khoa VH-DL và CTXH	Phó Trưởng Bộ môn phụ trách	306.5	135	227.0	2842	480	592.1	HTXSNNV			x	x	BKB (HTXSNNV) 1. QĐ 3574/QĐ-ĐHĐT (8901/XN-ĐHĐT) 2. QĐ 2825/QĐ-ĐHĐT (8739/XN-ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B	
300	Trần Kim Ngọc	Khoa VH-DL và CTXH	Giảng viên	390.8	229.5	170.3	2450	510	480.4	HTTNV			x	QĐ 2808/QĐ-ĐHĐT (8560/XN-ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
301	Nguyễn Thị Bích Hưng	Khoa VH-DL và CTXH	Tổ trưởng công đoàn	325.5	229.5	141.8	2150	510	421.6	HTTNV			x	QĐ 2825/QĐ-ĐHĐT (8739/XN-ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
302	Đỗ Thị Thảo	Khoa VH-DL và CTXH	Giảng viên	302	229.5	131.6	200	510	39.2	HTTNV			x							LĐTT		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
303	Nguyễn Giác Trí	Khoa Kinh tế - Luật	Trưởng khoa	281.2	162	173.6	39216	360	10,893.3	HTXSNV			x	1. QĐ 8465/QĐ- ĐHĐT (8775/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8466/QĐ- ĐHĐT (8776/XN- ĐHĐT)	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 8463/QĐ- ĐHĐT (8682/XN- ĐHĐT), 2. QĐ 8450/QĐ- ĐHĐT (8774/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B
304	Nguyễn Thanh Tùng	Khoa Kinh tế - Luật	Phó Trưởng khoa	722.1	0		1560	420	371.4	HTTNV			x	1. QĐ 2814/QĐ- ĐHĐT (8771/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8453/QĐ- ĐHĐT (8772/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 8465/QĐ- ĐHĐT (8775/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
305	Huỳnh Quốc Tuấn	Khoa Kinh tế - Luật	Phó Trưởng khoa	871.6	127	686.3	5360	483	1,109.7	HTXS NV			x	1. QĐ 8424/QĐ- ĐHĐT (8656/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8448/QĐ- ĐHĐT (8869/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 8450/QĐ- ĐHĐT (8774/XN- ĐHĐT) 4. QĐ 8465/QĐ-						LĐTT, CSTĐCS		
306	Lê Văn Tuấn	Khoa Kinh tế - Luật	Trưởng bộ môn Quản trị kinh doanh	485.5	216	224.8	1650	480	343.8	HTTNV			x	1. QĐ 8405/QĐ- ĐHĐT (8637/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8466/QĐ- ĐHĐT (8776/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
307	Lê Thị Kim Triệu	Khoa Kinh tế - Luật	Phó trưởng bộ môn phụ trách bộ môn Kế toán	697.8	186.3	374.6	1050	408	257.4	HTTNV			x	QĐ 8408/QĐ- ĐHĐT (8640/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
308	Nguyễn Thị Hồng Vân	Khoa Kinh tế - Luật	Phó trưởng bộ môn phụ trách bộ môn Luật	603	0		2100	600	350.0	HTTNV			x	QĐ 8406/QĐ- ĐHĐT (8638/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng								Kết quả thẩm định		
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
309	Hồ Thị Khánh Linh	Khoa Kinh tế - Luật	Phó trưởng bộ môn phụ trách bộ môn Tài chính ngân hàng	852.6	216	394.7	1060	480	220.8	HTTNV			x	QĐ 8449/QĐ- ĐHĐT (8868/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
310	Hoàng Thị Doan	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên chính	865.6	213	406.4	1874	474	395.4	HTXSNV			x	1. QĐ 2814/QĐ- ĐHĐT (8771/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8466/QĐ- ĐHĐT (8776/XN- ĐHĐT)	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 8453/QĐ- ĐHĐT (8772/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8465/QĐ- ĐHĐT (8775/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng								Kết quả thẩm định		
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)														
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao
311	Phạm Ánh Tuyết	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	1015.7	135	752.4	2892.00	600	482.0	HTTNV			x	1. QĐ 8421/QĐ- ĐHĐT (8653/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8422/QĐ- ĐHĐT (8654/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 8465/QĐ- ĐHĐT (8775/XN- ĐHĐT) 4. QĐ 8466/QĐ- ĐHĐT (8776/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
312	Phạm Thái Ngọc	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	541.2	213	254.1	3150	510	617.6	HTXSNV			x	QĐ 8407/QĐ- ĐHĐT (8639/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)															
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
313	Trần Ngọc Gái	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	720.4	0		1874	600	312.3	HTTNV			x	1. QĐ 8426/QĐ- ĐHĐT (8658/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8427/QĐ- ĐHĐT (8659/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 8465/QĐ- ĐHĐT (8775/XN- ĐHĐT) 4. QĐ 8466/QĐ- ĐHĐT (8776/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
314	NguyễnThị Bích Thuận	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	878	209.25	419.6	1860	465	400.0	HTTNV			x	QĐ 8425/QĐ- ĐHĐT (8657/QĐ- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
315	Nguyễn Anh Tú	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	556.25	225.45	246.7	900	501	179.6	HTTNV			x	QĐ 8691/QĐ- ĐHĐT (8823/QĐ- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
316	Nguyễn Hoàng Trung	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên chính	453	0		6460	600	1,076.7	HTTNV			x	1. QĐ 8428/QĐ- ĐHĐT (8660/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8410/QĐ- ĐHĐT (8642/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 8411/QĐ- ĐHĐT (8643/XN- ĐHĐT) 4. QĐ 8429/QĐ- ĐHĐT (8661/XN- ĐHĐT) 5. QĐ 8713/QĐ- ĐHĐT (8882/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
317	Lê Nguyễn Như Mai	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	79.5	67.5	117.8	800	150	533.3	HTTNV			x	QĐ 8449/QĐ- ĐHĐT (8868/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
318	Võ Thị Minh Mẫn	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	755	229.5	329.0	1100	483	227.7	HTTNV			x	QĐ 6935/QĐ- ĐHĐT (8847/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
319	Nguyễn Thanh Bằng	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	313.8	229.5	136.7	800	510	156.9	HTTNV			x	QĐ 8452/QĐ- ĐHĐT (8867/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
320	Võ Thị Mỹ Linh	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	570.9	180.9	315.6	500	245	204.1	HTSXNV			x	QĐ 8452/QĐ- ĐHĐT (8867/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
321	Nguyễn Ngọc Trân	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	868.3	230	377.5	2,308	510	452.5	HTTNV			x	1. QĐ 8403/QĐ- ĐHĐT (8635/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8451/QĐ- ĐHĐT (8773/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 8465/QĐ- ĐHĐT (8775/XN- ĐHĐT) 4. QĐ 8466/QĐ- ĐHĐT (8776/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
322	Lê Thị Loan	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	922.3	230	401.0	848	510	166.3	HTTNV			x	1. QĐ 8451/QĐ- ĐHĐT (8773/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8466/QĐ- ĐHĐT (8776/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
323	Ngô Nguyễn Hoàng Pha	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	425.7	217.4	195.8	750	486	154.3	HTTNV			x	QĐ 8448/QĐ- ĐHĐT (8869/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
324	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	899	209.25	429.6	1050	465	225.8	HTTNV			x	QĐ 8404/QĐ- ĐHĐT (8636/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
325	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	903.45	209.25	431.8	1650	465	354.8	HTTNV			x	QĐ 8423/QĐ- ĐHĐT (8655/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
326	Hoàng Thị Tổ Như	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	815	0		950	474	200.4	HTTNV			x	QĐ 8713/QĐ- ĐHĐT (8882/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
327	Nguyễn Hải Hà	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	627	229.5	273.2	930	510	182.4	HTTNV			x							LĐTT	
328	Trương Thị Hoàng Oanh	Khoa Kinh tế - Luật	Giáo vụ khoa	0	0		0	0		HTTNV			x							LĐTT	
329	Lê Thị Tuyết Vân	Khoa Kinh tế - Luật	Quản lý sinh viên	0	0		0	0		HTTNV			x							LĐTT	
330	Thị Bích Châu	Khoa Kinh tế - Luật	Giảng viên	0	0		0	0			x									Không xét	
331	Huỳnh Châu Hiếu Thảo	Khoa Kinh tế - Luật	Trợ giảng	0	0		0	0			x									Không xét	
332	Nguyễn Ngọc Phú	Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể	Giảng viên	435	67.5	644.4	1080	150	720.0	HTTNV			X	QĐ 3106/QĐ- ĐHĐT (8721/XN- ĐHĐT)				X		LĐTT, CSTĐCS	BK TTCP

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
333	Nguyễn Hoàng Lâm Em	Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể	Giảng viên	276	67.5	408.9	467	150	311.3	HTTNV			X	QĐ 3577/QĐ-ĐHĐT (8905/XN-ĐHĐT)	BKB: 1. QĐ 3461/QĐ-ĐHĐT (8993/XN-ĐHĐT) 2. QĐ 3479/QĐ-ĐHĐT (8989/XN-ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B	
334	Huỳnh Sơn Lâm	Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể	Giảng viên	491	67.5	727.4	1525	150	1,016.7	HTTNV			X	1. QĐ 3533/QĐ-ĐHĐT (8899/XN-ĐHĐT) 2. QĐ 3573/QĐ-ĐHĐT (8909/XN-ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
335	Nguyễn Thành Nghĩa	Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể	Giảng viên	150	67.5	222.2	500	150	333.3	HTTNV			X							LĐTT		
336	Nguyễn Trí Túc	Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể	Chuyên viên	154	0		0	0		HTTNV			X	QĐ 3111/QĐ-ĐHĐT (8527/XN-ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
337	Võ Thị Thanh Lan	Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể	Phó Trưởng Bộ môn phụ trách	0	0		0	0		HTXS NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
338	Nguyễn Thị Hồng Uyên	Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		
339	Nguyễn Thanh Hải	Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		
340	Huỳnh Thanh Thương	Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể	Chuyên viên	0	0		0	0		HTXS NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
341	Trần Văn Tập	Phòng KH-TC	Trưởng phòng	0	0		70	0		HTTNV			X	QĐ 3114/QĐ-ĐHĐT (8529/XN-ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
342	Nguyễn Bá Tường	Phó Trưởng Phòng TB&XD CB Nguyên là Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Phó Trưởng phòng	0	0		0	0		HTXS NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
343	Trần Thị Lụa	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phó Trưởng phòng	0	0		0	0		HTXS NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
344	Dương Thị Lan	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Kế toán viên	0	0		200	0		HTTNV			X							LĐTT		
345	Lê Thị Diệu	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Kế toán viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)															
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
346	Nguyễn Thị Mỹ Xuân	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Kế toán viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		
347	Nguyễn Thị Anh Đào	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	0	0		40	0		HTTNV			X	QĐ 3114/QĐ- ĐHĐT (8529/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
348	Trần Thị Hậu	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên	0	0		40	0		HTTNV			X	QĐ 3114/QĐ- ĐHĐT (8529/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
349	Nguyễn Thị Hồng Ân	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Kế toán viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		
350	Lê Thị Thảo Linh	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Kế toán viên	0	0		0	0			X									Không xét		
351	Phạm Quốc Nguyên	Khoa NN, TN và MT	Trưởng khoa	397	189	210.1	11525	420	2,744.0	HTNV		x								Không đạt		
352	Lê Diễm Kiều	Khoa NN, TN và MT	Trưởng bộ môn	454.6	135	336.7	6975	480	1,453.1	HTNV		x								Không đạt		
353	Nguyễn Thị Hải Lý	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	234	225.5	103.8	1120	510	219.6	KHTNV		x								Không đạt		
354	Hà Danh Đức	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	339.7	270	125.8	9050	600	1,508.3	HTXS NV			x	1. QĐ 3556/QĐ- ĐHĐT (8746/XN- ĐHĐT) 2. QĐ3558/QĐ- ĐHĐT(8748/X N-ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)															
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
355	Bùi Minh Triết	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	262.5	229.5	114.4	780	510	152.9	HTTNV			x							LĐTT		
356	Lê Thị Mỹ Hạnh	Khoa NN, TN và MT	Chuyên viên	33	0		0	0		HTTNV			x							LĐTT		
357	Phan Văn Tuấn	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	120	67.5	177.8	600	150	400.0	HTTNV			x							LĐTT		
358	Hà Huỳnh Hồng Vũ	Khoa NN, TN và MT	Trưởng bộ môn	386.5	216	178.9	2225	480	463.5	HTXSNNV			x	HTXSNNV QĐ 3580/QĐ- ĐHĐT (8758/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
359	Trần Thị Cẩm Tú	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	582.2	229.5	253.7	3717	510	728.8	HTTNV			x	1. QĐ 3521/QĐ- ĐHĐT (8754/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3569/QĐ- ĐHĐT (8680/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
360	Lê Thị Trúc Phương	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	178	135	131.9	900	300	300.0	HTTNV			x	QĐ 8459/QĐ- ĐHĐT (8757/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
361	Võ Duy Hoàng	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	330	225.5	146.3	2808	510	550.6	HTTNV			x	1. QĐ 8459/QĐ- ĐHĐT (8757/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3580/QĐ- ĐHĐT (8758/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
362	Nguyễn Thị Pha Ly	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	404.4	229.5	176.2	3008	510	589.8	HTXSNV			x	HTXSNV 1. QĐ 8459/QĐ- ĐHĐT (8757/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3580/QĐ- ĐHĐT (8758/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
363	Ngô Phú Cường	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	458	420	109.0	248	112	221.4	HTTNV			x							LĐTT	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
364	Nguyễn Thị Phương	Khoa NN, TN và MT	Trưởng bộ môn	614.7	216	284.6	7465	480	1,555.2	HTTNV			x	1. QĐ 2809/QĐ- ĐHĐT (8561/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 2810/QĐ- ĐHĐT 8562/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 2819/QĐ- ĐHĐT (8753/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
365	Phạm Thế Hùng	Khoa NN, TN và MT	Phó Trưởng khoa	651.4	216	301.6	800	480	166.7	HTTNV			x	QĐ 3575/QĐ- ĐHĐT (8755/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
366	Nguyễn Hữu Long	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	564	0		1333	600	222.2	HTTNV			x	QĐ 3575/QĐ- ĐHĐT (8755/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
367	La Văn Hùng Minh	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	716.9	229.5	312.4	2416	510	473.7	HTTNV			x	1. QĐ 3575/QĐ- ĐHĐT (8755/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3522/QĐ- ĐHĐT (8756/QĐ- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
368	Ngô Thạch Thảo Ly	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	872.4	229.5	380.1	2566	510	503.1	HTXSNV			x	HTXSNV QĐ 3522/QĐ- ĐHĐT (8756/QĐ- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
369	Nguyễn Hồ	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	651.4	216	301.6	800	480	166.7	HTTNV			x	1. QĐ 2819/QĐ- ĐHĐT (8753/XN- ĐHĐT) 2. 8923/XN- ĐHĐT 3. 3453/QĐ- ĐHĐT 4. 3454/QĐ- ĐHĐT						LĐTT, CSTĐCS		
370	Nguyễn Hữu Tân	Khoa NN, TN và MT	Trưởng bộ môn	564	0		1333	600	222.2	HTNV		x								Không đạt		
371	Nguyễn Gia Hiền	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	716.9	229.5	312.4	2416	510	473.7	HTTNV			x	QĐ 3582/QĐ- ĐHĐT (8744/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
372	Trần Đạt Huy	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	872.4	229.5	380.1	2566	510	503.1	HTTNV			x							LĐTT		
373	Nguyễn Thị Thành	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	305.3	229.5	133.0	1100	510	215.7	KHTNV		x								Không đạt		
374	Nguyễn Thị Hồng Nho	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	372.6	135	276.0	1000	300	333.3	HTTNV			x	QĐ 3582/QĐ- ĐHĐT (8744/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
375	Nguyễn Thị Thùy	Khoa NN, TN và MT	Giảng viên	320.3	226.8	141.2	1500	510	294.1	HTTNV			x	QĐ 3576/QĐ- ĐHĐT (8745/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
376	Lê Văn Tùng	Khoa GDCT	Phó Hiệu trưởng Trường Sư phạm	270	270	100.0	600	600	100.0	HTTNV			X	QĐ 6531/QĐ- ĐHĐT (8686/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
377	Phùng Ngọc Tiến	Khoa GDCT	Giảng viên	1094.1	0		940	480	195.8	HTTNV			X	QĐ 6535/QĐ- ĐHĐT (8855/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
378	Lê Thị Lệ Hoa	Khoa GDCT	Giảng viên	1016	229.5	442.7	1450	510	284.3	HTXSNV			X	QĐ 6536/QĐ- ĐHĐT (9038/XN- ĐHĐT)	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 3310/QĐ- ĐHĐT (8934/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 6549/QĐ- ĐHĐT (9039/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B
379	Lê Anh Thi	Khoa GDCT	Giảng viên	835	229.5	363.8	3205	510	628.4	HTXSNV			X	X	BKB (CSTĐCS) 1. QĐ 6549/QĐ- ĐHĐT (9039/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 6532/QĐ- ĐHĐT (8853/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng								Kết quả thẩm định		
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
380	Hồ Thị Hồng Cúc	Khoa GDCT	Giảng viên	631.95	270	234.1	1399	600	233.2	HTTNV			X	QĐ 8443/QĐ- ĐHĐT (8675/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
381	Nguyễn Đình Cường	Khoa GDCT	Giảng viên	595	0		2450	600	408.3	HTTNV			X	QĐ 6534/QĐ- ĐHĐT (8854/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
382	Đoàn Duy Trúc Ngọc	Khoa GDCT	Giảng viên	1325.61	229.5	577.6	1240	510	243.1	HTTNV			X	8852/XN- ĐHĐT						LĐTT, CSTĐCS	
383	Nguyễn Thị Thìn	Khoa GDCT	Giảng viên	700	67.5	1,037.0	1100	150	733.3	HTTNV			X	QĐ 6533/QĐ- ĐHĐT (8566/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
384	Lê Thanh Dũng	Khoa GDCT	Giảng viên	1256	216	581.5	710	480	147.9	HTTNV			X							LĐTT	
385	Phan Anh	Khoa GDCT	Giảng viên	518	229.5	225.7	1200	510	235.3	HTTNV			X							LĐTT	
386	Nguyễn Ngọc Liễu Giao	Khoa GDCT	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
387	Lý Thị Kim Quyến	Khoa GDCT	Giảng viên		0		0	0											Mới chuyển về từ Trường CĐ Nghề Đồng Tháp có kết quả thi đua từ đơn vị cũ là LĐTT			
388	Ngô Trần Thúc Bảo	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	366	230	159.1	2100	510	411.8	HTTNV			X	X					LĐTT, CSTĐCS			
389	La Văn Liêm	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	552	216	255.6	993	480	206.9	HTTNV			X	QĐ 3489/QĐ- ĐHĐT (8683/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
390	Nguyễn Trung Nam	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	594	270	220.0	1500	600	250.0	HTTNV			X	QĐ 3548/QĐ- ĐHĐT (8881/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
391	Nguyễn Thị Thùy Dương (A)	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	909	270	336.7	1000	600	166.7	HTTNV			X	QĐ 3485/QĐ- ĐHĐT (8599/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
392	Phạm Hiền Chương	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	753	230	327.4	2100	510	411.8	HTTNV			X	QĐ 8714/QĐ- ĐHĐT (8883/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
393	Phạm Việt Thanh	Khoa GDTC- SPNT	Trưởng bộ môn	562	216	260.2	1050	480	218.8	HTTNV			X	QĐ 3570/QĐ- ĐHĐT (8681/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
394	Trần Minh Hùng	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	606	225	269.3	600	501	119.8	HTTNV			X	QĐ 3548/QĐ- ĐHĐT (8881/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
395	Huỳnh Nguyễn Kim Ngân	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	762	300	254.0	300	510	58.8	HTTNV			X							LĐTT	
396	Trần Ngọc Minh Khoa	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	717	217	330.4	900	483	186.3	HTTNV			X	QĐ 8698/QĐ- ĐHĐT (8928/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
397	Nguyễn Duy Thanh	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	852	155	549.7	1000	345	289.9	HTTNV			X	QĐ 3543/QĐ- ĐHĐT (8846/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
398	Nguyễn Thị Thùy Dương (B)	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	765	230	332.6	1500	510	294.1	HTTNV			X	9078/XN- ĐHĐT						LĐTT, CSTĐCS	
399	Trần Văn Đò	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	393	270	145.6	600	600	100.0	HTTNV			X	QĐ 8697/QĐ- ĐHĐT (8829/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
400	Hồ Thanh Tâm	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	594	225	264.0	900	501	179.6	HTTNV			X	QĐ 3495/QĐ- ĐHĐT (8684/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
401	Trần Hữu Điền	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	585	68	860.3	700	150	466.7	HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
402	Trần Anh Hào	Khoa GDTC- SPNT	Trưởng khoa	616	162	380.2	700	360	194.4	HTTNV			X	QĐ 8714/QĐ- ĐHĐT (8883/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
403	Đỗ Vĩnh Khiết	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	819	270	303.3	600	600	100.0	HTTNV			X	QĐ 8717/QĐ- ĐHĐT (8885/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
404	Trần Thị Kim Ngọc	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	710	185	383.8	1200	501	239.5	HTTNV			X	QĐ 3545/QĐ- ĐHĐT (8878/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
405	Châu Nhật Tân	Khoa GDTC- SPNT	Chuyên viên	381	0		0	0	0.0	HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
406	Nguyễn Ngọc Tiến	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	318	187	170.1	320	375	85.3	HTTNV			X							LĐTT		
407	Phạm Thanh Tùng	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	345	172	200.6	467	600	77.8	HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
408	Trương Thị Quý	Khoa GDTC- SPNT	Chuyên viên	0	0		0	0		HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
409	Hồ Ngọc Lợi	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	0	0		0	0		HTTNV			X	QĐ 3103/QĐ- ĐHĐT (8534/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
410	Nguyễn Đắc Nguyên	Khoa GDTC & SPNT	Giảng viên	930	270	344.4	1732	600	288.7	HTXSNV			X	1. QĐ 3555/QĐ- ĐHĐT (8733/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 6552/QĐ- ĐHĐT (8734/XN- ĐHĐT)				X		LĐTT, CSTĐCS	BK TTCP	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng								Kết quả thẩm định		
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTDCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTD Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
411	Lê Minh Quang	Khoa GDTC & SPNT	Phó Trưởng bộ môn	717	216	331.9	2200	510	431.4	HTTNV			X	QĐ 3516/QĐ- ĐHĐT (8628/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTDCS	
412	Hồ Hải Thanh	Khoa GDTC & SPNT	Giảng viên	1003.5	229.5	437.3	1400	510	274.5	HTTNV			X	QĐ 3547/QĐ- ĐHĐT (8876/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTDCS	
413	Lượng Minh Trí	Khoa GDTC & SPNT	Giảng viên	1014	229.5	441.8	3242	510	635.7	HTTNV			X	1. QĐ 2796/QĐ- ĐHĐT (8598/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3481/QĐ- ĐHĐT (8596/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTDCS	
414	Lê Mạnh Hà	Khoa GDTC & SPNT	Giảng viên	849	229.5	369.9	2100	510	411.8	HTTNV			X	QĐ 8718/QĐ- ĐHĐT (8880/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTDCS	
415	Phạm Thị Thu Hằng	Khoa GDTC & SPNT	Giảng viên	870	229.5	379.1	1800	510	352.9	HTTNV			X	QĐ 8718/QĐ- ĐHĐT (8880/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTDCS	
416	Nguyễn Thị Bích Thuần	Khoa GDTC & SPNT	Giảng viên	745	229.5	324.6	1400	510	274.5	HTTNV			X	QĐ 3546/QĐ- ĐHĐT (8879/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTDCS	
417	Vô Xuân Hùng	Khoa GDTC & SPNT	Giảng viên	945	216	437.5	1550	510	303.9	HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTDCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
418	Lại Thị Thanh Thủy	Khoa GDTC & SPNT	Phó Trưởng bộ môn	1101	216	509.7	1650	510	323.5	HTTNV			X	QĐ 2807/QĐ- ĐHĐT (8559/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
419	Nguyễn Huy Bình	Khoa GDTC & SPNT	Giảng viên	1814	225.45	804.6	2100	510	411.8	HTXS NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
420	Trần Nguyễn Thanh Thảo	Khoa GDTC & SPNT	Giảng viên	1014	229.5	441.8	1050	510	205.9	HTTNV			X	QĐ 8690/QĐ- ĐHĐT (8822/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
421	Trà Ngọc Đức	Khoa GDTC & SPNT	Giảng viên	1281	225	569.3	1500	510	294.1	HTTNV			X	QĐ 8728/QĐ- ĐHĐT (8856/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
422	Nguyễn Thị Quỳnh Như	Khoa GDTC & SPNT	Giảng viên	1052	225.45	466.6	900	510	176.5	HTTNV			X							LĐTT	
423	Tiêu Thanh Sang	Khoa GDTC- SPNT	Phó Trưởng bộ môn	973	229.5	424.0	2400	510	470.6	HTTNV			X	QĐ 3492/QĐ- ĐHĐT (8605/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
424	Nguyễn Thị Huyền	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	1222	270	452.6	1500	600	250.0	HTTNV			X	QĐ 3494/QĐ- ĐHĐT (8607/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
425	Trần Minh Sang	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	810	270	300.0	900	600	150.0	HTTNV			X							LĐTT	
426	Trương Văn Lợi	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	960	229.5	418.3	1150	510	225.5	HTTNV			X	QĐ 3517/QĐ- ĐHĐT (8629/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)															
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
427	Nguyễn Tất Hùng	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	997	175.5	568.1	2500	390	641.0	HTXSNV			X	X	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 3382/QĐ- ĐHĐT (8987/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8493/QĐ- ĐHĐT (8606/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 3542/QĐ- ĐHĐT (8875/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B	
428	Trần Văn Điền	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	917	0		4317	600	719.5	HTTNV			X	QĐ 3487/QĐ- ĐHĐT (8601/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
429	Lê Thanh Phong	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	1254	270	464.4	900	600	150.0	HTTNV			X							LĐTT		
430	Nguyễn Thanh Sang	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	304	135	225.2	300	300	100.0	HTTNV			X							LĐTT		
431	Lê Thị Minh Đạo	Khoa GDTC- SPNT	Giảng viên	678	270	251%	933	600	156%	HTTNV			X	9280/XN- ĐHĐT						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
432	Nguyễn Thị Kiều	Khoa GDTH-MN	Trưởng bộ môn	1414	94.5	1,496.3	4475	510	877.5	HTTNV			X	QĐ 8136/QĐ- ĐHĐT (8631/XN- ĐHĐT)	BKB (CSTĐCS) 1. QĐ 8137/QĐ- ĐHĐT (8630/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8138/QĐ- ĐHĐT (8741/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B	
433	Trần Đức Hùng	Khoa GDTH-MN	Trưởng bộ môn	1280	217	589.9	3383	480	704.8	HTTNV			X	QĐ 8138/QĐ- ĐHĐT (8741/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
434	Lê Thị Mai An	Khoa GDTH-MN	Phó Trưởng khoa	1464.44	189	774.8	525	480	109.4	HTXSNV			X	QĐ 8138/QĐ- ĐHĐT (8741/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
435	Nguyễn Thị Trúc Minh	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1107.34	217.35	509.5	2350	510	460.8	HTXSNV			X	QĐ 3457/QĐ- ĐHĐT (8572/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
436	Trần Hoàng Anh	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1439.5	135	1,066.3	2510	510	492.2	HTXSNV			X	QĐ 2790/QĐ- ĐHĐT (8543/XN- ĐHĐT)	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 2789/QĐ- ĐHĐT (8542/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 2791/QĐ- ĐHĐT (8544/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
437	Trần Thị Kim Thúy	Khoa GDTH-MN	Chuyên viên	429	67.5	635.6	1200	150	800.0	HTTNV			X	QĐ 2786/QĐ- ĐHĐT (8539/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
438	Huỳnh Thị Trúc Giang	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1221.09	270	452.3	900	510	176.5	HTTNV			X	QĐ 3456/QĐ- ĐHĐT (8571/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
439	Trần Thị Giao Xuân	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1264.52	225.45	560.9	2975	510	583.3	HTXSNV			X	QĐ 2811/QĐ- ĐHĐT (8742/XN- ĐHĐT)	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 8138/QĐ- ĐHĐT (8741/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 6538/QĐ- ĐHĐT (8819/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B	
440	Vũ Thị Hiền	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1875.07	217	864.1	900	510	176.5	HTTNV			X	QĐ 8695/QĐ- ĐHĐT (8827/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
441	Cao Thị Bích Liên	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1374.76	210	654.6	1500	510	294.1	HTTNV			X	QĐ 8707/QĐ- ĐHĐT (8835/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
442	Lê Thị Mỹ Trà	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1323.3	270	490.1	1050	600	175.0	HTTNV			X	QĐ 2793/QĐ- ĐHĐT (8546/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
443	Hà Thái Thủy Lam	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1278.75	218.7	584.7	1266	510	248.2	HTXSNV			X	HTXSNV QĐ 3579/QĐ- ĐHĐT (8740/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
444	Lê Duy Cường	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1153.2	217.35	530.6	2000	510	392.2	HTXSNV			X	QĐ 8412/QĐ- ĐHĐT (8644/XN- ĐHĐT)	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 2794/QĐ- ĐHĐT (8547/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 2795/QĐ- ĐHĐT (8548/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B	
445	Võ Thị Nhỏ	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	713.79	217.35	328.4	725	510	142.2	HTTNV			X	1. QĐ 8460/QĐ- ĐHĐT (8743/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 8138/QĐ- ĐHĐT (8741/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
446	Phạm Thị Minh Hiếu	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	561	0		510	200	255.0	HTTNV			X	QĐ 6529/QĐ- ĐHĐT (8844/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
447	Hoàng Thị Quế	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1221.09	217	562.7	2950	510	578.4	HTTNV			X	QĐ 5232/QĐ- ĐHĐT (8573/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
448	Huỳnh Mỹ Linh	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1465.88	184.95	792.6	2250	501	449.1	HTTNV			X	8857/XN- ĐHĐT						LĐTT, CSTĐCS		
449	Trương Công Vĩnh Khanh	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	786	220	357.3	1300	510	254.9	HTTNV			X	QĐ 8689/QĐ- ĐHĐT (8821/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
450	Phan Thị Hiệp	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	763.05	217	351.6	1100	510	215.7	HTTNV			X	QĐ 3534/QĐ- ĐHĐT (8764/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
451	Kiều Thị Hoa Lê	Khoa GDTH-MN	Chuyên viên	0	0		190	0		HTXS NV			X	BKB (HTXS NV) 1. QĐ 2811/QĐ- ĐHĐT (8742/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 2792/QĐ- ĐHĐT (8545/XN- ĐHĐT)						LĐTT	BK B	
452	Nguyễn Thị Ngọc Thu	Khoa GDTH-MN	Chuyên viên	445.5	67.5	660.0	900	150	600.0	HTTNV			X	QĐ 6542/QĐ- ĐHĐT (8818/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
453	Phạm Thị Kim Châu	Khoa GDTH-MN	Trưởng bộ môn	1445.01	216	669.0	5800	480	1,208.3	HTTNV			X	1. QĐ 3459/QĐ- ĐHĐT (8574/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3460/QĐ- ĐHĐT (8575/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)															
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
454	Lê Thị Thanh Sang	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1505.47	238	632.6	3100	510	607.8	HTTNV			X	QĐ 2797/QĐ- ĐHĐT (8550/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
455	Nguyễn Thị Thanh Nguyệt	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1441.32	217.35	663.1	1383	510	271.2	HTTNV			X	QĐ 470/QĐ- ĐHĐT (9350/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
456	Phan Thị Hoàng Nguyên	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1071.95	229.5	467.1	1700	510	333.3	HTTNV			X							LĐTT		
457	Lê Thị Lan	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1562.64	229.5	680.9	1722	510	337.6	HTXSNNV			X	HTXSNNV QĐ 8708/QĐ- ĐHĐT (8836/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
458	Lê Thị Bích Vân	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1047.09	270	387.8	3337	600	556.2	HTTNV			X	1. QĐ 3520/QĐ- ĐHĐT (8904/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3519/QĐ- ĐHĐT (8903/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
459	Nguyễn Thị Hồng Khoa	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1114.6	67.5	1,651.3	1589	510	311.6	HTTNV			X	1. QĐ 8711/QĐ- ĐHĐT (8839/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3579/QĐ- ĐHĐT (8740/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
460	Trần Nguyễn Thị Như Mai	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	920.6	84.6	1,088.2	1065	255	417.6	HTTNV			X	QĐ 8704/QĐ- ĐHĐT (8832/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
461	Nguyễn Ngọc Trinh	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1112.16	176.85	628.9	1900	510	372.5	HTTNV			X	1. QĐ 8712/QĐ- ĐHĐT (8840/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3579/QĐ- ĐHĐT (8740/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
462	Võ Ngọc Quyên	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1121.64	229.5	488.7	900	510	176.5	HTTNV			X	QĐ 8709/QĐ- ĐHĐT (8837/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
463	Nguyễn Bích Hằng	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1403.92	229.5	611.7	900	510	176.5	HTXS NV			X	X						LĐTT, CSTĐCS		
464	Lê Thị Kim Chi	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1024.12	229.5	446.2	900	510	176.5	HTTNV			X	QĐ 3462/QĐ- ĐHĐT (8577/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
465	Nguyễn Thị Tuyết Minh	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1653.14	229.5	720.3	1900	510	372.5	HTTNV			X	QĐ 8706/QĐ- ĐHĐT (8834/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)														
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao
466	Nguyễn Thị Yến Phi	Khoa GDTH-MN	Chuyên viên	430.65	33.75	1,276.0	3700	300	1,233.3	HTTNV			X	1. QĐ 2788/QĐ- ĐHĐT (8541/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 2787/QĐ- ĐHĐT (8540/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
467	Lê Ánh Nguyệt	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1107.51	221.4	500.2	900	510	176.5	HTTNV			X	QĐ 8705/QĐ- ĐHĐT (8833/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
468	Lê Thị Thanh Hồng	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	630	184.95	340.6	900	510	176.5	HTTNV			X							LĐTT	
469	Tô Ngọc Sơn	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	192.6	135	142.7	1500	300	500.0	HTTNV			X							LĐTT	
470	Huỳnh Kim Tường Vi	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	990	270	366.7	1225	510	240.2	HTTNV			X							LĐTT	
471	Đỗ Thị Như Uyên	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	968.2	217.35	445.5	825	510	161.8	HTTNV			X							LĐTT	
472	Đỗ Văn Hùng	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	840	270	311.1	900	600	150.0	HTTNV			X		B (hưu)					LĐTT	BKB (hưu)
473	Nguyễn Trọng Hiếu	Khoa GDTH-MN	Giảng viên	1130.41	217	520.9	2250	510	441.2	HTTNV			X							LĐTT	
474	Nguyễn Kim Búp	Khoa SP KHTN	Phó Trưởng khoa	1385.1	189	732.9	1050	420	250.0	HTTNV			x	3549/QĐ- ĐHĐT (8750/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
475	Bùi Thị Minh Nguyệt	Khoa SP KHTN	Phó Trưởng khoa	513	189	271.4	3825	420	910.7	HTXSNV			x	x						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
476	Huỳnh Vĩnh Phúc	Khoa SP KHTN	Phó Hiệu trưởng Trường Sư phạm	630.3	189	333.5	12855	420	3,060.7	HTXS NV			x	1. QĐ 3496/QĐ- ĐHĐT (8608/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3497/QĐ- ĐHĐT (8609/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 3498/QĐ- ĐHĐT (8610/XN- ĐHĐT) 4. QĐ 3499/QĐ- ĐHĐT (8611/XN- ĐHĐT) 5. QĐ 3500/QĐ- ĐHĐT (8612/XN- ĐHĐT) 6. QĐ 3501/QĐ- ĐHĐT (8613/XN- ĐHĐT)				x		LĐTT, CSTĐCS	BK TTCP	
477	Hoàng Thị Nghiệp	Khoa SP KHTN	Trưởng bộ môn	954	216	441.7	5030	480	1,047.9	HTTNV			x	QĐ 3550/QĐ- ĐHĐT (8750/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
478	Lê Thị Thanh	Khoa SP KHTN	Giảng viên	1328	225.45	589.0	6325	510	1,240.2	HTTNV			x	QĐ 3583/QĐ- ĐHĐT (8768/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
479	Lê Thị Thu Hường	Khoa SP KHTN	Giảng viên	973.2	229.5	424.1	1500	510	294.1	HTTNV			x							LĐTT		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
480	Nguyễn Thị Bé Nhanh	Khoa SP KHTN	Giảng viên	1729.75	190.35	908.7	1866	450	414.7	HTTNV			x	QĐ 2823/QĐ- ĐHĐT (8924/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
481	Nguyễn Thị Oanh	Khoa SP KHTN	Giảng viên	555.75	184.95	300.5	10760	510	2,109.8	HTXSNNV			x	x	BKB (HTXSNNV) 1. QĐ 3557/QĐ- ĐHĐT (8747/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3551/QĐ- ĐHĐT (8752/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B
482	Nguyễn Thị Tinh	Khoa SP KHTN	Giảng viên	1206	230	524.3	1049	600	174.8	HTTNV			x							LĐTT	
483	Phạm Thị Thanh Mai	Khoa SP KHTN	Giảng viên	1307	229.5	569.5	5099	510	999.8	HTTNV			x	1. QĐ 3502/QĐ- ĐHĐT (8614/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3583/QĐ- ĐHĐT (8768/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
484	Nguyễn Quốc Thái	Khoa SP KHTN	Giảng viên	819.7	229.5	357.2	4358	510	854.5	HTTNV			x	QĐ 6545/QĐ- ĐHĐT (8549/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
485	Lê Thị Ngọc Tú	Khoa SP KHTN	Giảng viên	855	229.5	372.5	4067	483	842.0	HTTNV			x	QĐ 6546/QĐ- ĐHĐT (8848/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)															
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
486	Trần Thị Thanh Thu	Khoa SP KHTN	Giảng viên	468.6	229.5	204.2	1750	510	343.1	HTXSNV			x	x						LĐTT, CSTĐCS		
487	Phạm Tuấn Vinh	Khoa SP KHTN	Giảng viên	254.1	217.35	116.9	1800	483	372.7	HTTNV			x						LĐTT			
488	Phạm Thị Mỹ Hạnh	Khoa SP KHTN	Giảng viên	233.9	94.5	247.5	1150	210	547.6	HTTNV			x	QĐ 6543/QĐ- ĐHĐT (8817/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
489	Vô Thành Vĩnh	Khoa SP KHTN	Giảng viên	770.4	229.5	335.7	0	0		HTNV		x							Không đạt			
490	Nguyễn Đức Thông	Khoa SP KHTN	Giảng viên	494.1	270	183.0	1800	600	300.0	HTTNV			x						LĐTT			
491	Vũ Trọng Tài	Khoa SP KHTN	Giảng viên	295	270	109.3	1500	600	250.0	HTTNV			x						LĐTT			
492	Trương Thị Bạch Yến	Khoa SP KHTN	Giảng viên	251.1	229.5	109.4	1566	510	307.1	HTTNV			x						LĐTT			
493	Quách Khả Quang	Khoa SP KHTN	Giảng viên	285	175.5	162.4	2300	600	383.3	HTTNV			x	QĐ 6548/QĐ- ĐHĐT (8767/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			
494	Trần Quốc Trị	Khoa SP KHTN	Giảng viên	495	270	183.3	1000	600	166.7	HTTNV			x						LĐTT			
495	Trần Văn Tân	Khoa SP KHTN	Trưởng chuyên ngành	559	216	258.8	3150	480	656.3	HTTNV			x						LĐTT			
496	Trần Thị Ngọc Anh	Khoa SP KHTN	Giảng viên	620.5	229.5	270.4	933	510	182.9	HTTNV			x	QĐ 3568/QĐ- ĐHĐT (8929/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS			

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
497	Lê Thị Thanh Xuân	Khoa SP KHTN	Giảng viên	405	229.5	176.5	1763	510	345.7	HTXSNV			x	x						LĐTT, CSTĐCS		
498	Đặng Kim Tại	Khoa SP KHTN	Trưởng bộ môn	705	216	326.4	1000	480	208.3	HTTNV			x	QĐ 8400/QĐ- ĐHĐT (8632/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
499	Hồ Sỹ Linh	Khoa SP KHTN	Giảng viên	487.46	225.45	216.2	1910	504	379.0	HTXSNV			x	x						LĐTT, CSTĐCS		
500	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Khoa SP KHTN	Giảng viên	45	0		1719	600	286.5	HTXSNV			x	x						LĐTT, CSTĐCS		
501	Phạm Minh Xuân	Khoa SP KHTN	Giảng viên	336.7	270	124.7	850	600	141.7	HTTNV			x	QĐ 8447/QĐ- ĐHĐT (8766/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
502	Nguyễn Thị Ngọc Quý	Khoa SP KHTN	Giảng viên	105	67.5	155.6	716	150	477.3	HTTNV			x	QĐ 3568/QĐ- ĐHĐT (8929/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
503	Võ Thủy Tiên	Khoa SP KHTN	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			x							LĐTT		
504	Phan Tấn Lượm	Khoa SP KHTN	Giảng viên	45	0		157	0		HTTNV			X							LĐTT		
505	Phạm Hà Thanh Nguyên	Khoa SP KHTN		0	0		0	0		KĐG	x									Không xét		
506	Trần Thị Nhung	Khoa SP KHXH	Trưởng khoa	900	186	483.9	1200	480	250.0	HTTNV			X	QĐ 8445/QĐ- ĐHĐT (8677/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
507	Trần Thanh Vân	Khoa SP KHXH	Phó Trưởng khoa	889	189	470.4	800	420	190.5	HTTNV			X	QĐ 8444/QĐ- ĐHĐT (8676/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
508	Nguyễn Thị Chính	Khoa SP KHXH	Trưởng Bộ môn	730.5	216	338.2	1790	480	372.9	HTNV		X			B (hưu)					Không đạt	HĐXX Không đạt BKB do năm học 2023- 2024 HTNV
509	Nguyễn Thị Bích Phương	Khoa SP KHXH	Giảng viên	918.7	174.15	527.5	933	510	182.9	HTTNV			X	QĐ 3922/QĐ- ĐHĐT (XN 8995/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
510	Hồ Chí Linh	Khoa SP KHXH	Giảng viên	1215.4	217.35	559.2	1500	600	250.0	HTXSNV			X	X						LĐTT, CSTĐCS	
511	Nguyễn Diệu Minh Chân Như	Khoa SP KHXH	Giảng viên	240	227.5	105.5	900	600	150.0	HTTNV			X							LĐTT	
512	Đặng Thanh Hải	Khoa SP KHXH	Giảng viên	656.25	168.75	388.9	2250	487.5	461.5	HTTNV			X	QĐ 3503/QĐ- ĐHĐT (8615/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
513	Nguyễn Phan Phương Uyên	Khoa SP KHXH	Giảng viên	105.6	233.15	45.3	1400	450	311.1	KHTNV		X								Không đạt	
514	Lê Thị Kim Phúc	Khoa SP KHXH	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
515	Trần Thị Hiền	Khoa SP KHXH	Giảng viên	770	229.5	335.5	900	510	176.5	HTXSNV			X	QĐ 8702/QĐ- ĐHĐT (8860/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
516	Lê Đình Trọng	Khoa SP KHXH	Giảng viên	434.9	243	179.0	1133	600	188.8	HTTNV			X							LĐTT		
517	Nguyễn Trọng Minh	Khoa SP KHXH	Giảng viên	418	217.35	192.3	0	510	0.0	HTTNV			X							LĐTT		
518	Nguyễn Thế Hồng	Khoa SP KHXH	Trưởng Bộ môn	788.7	220.73	357.3	600	480	125.0	HTTNV			X							LĐTT		
519	Đình Hồng Khoa	Khoa SP KHXH	Giảng viên	445.5	0		0	510	0.0	HTTNV			X							LĐTT		
520	Dương Tô Quốc Thái	Khoa SP KHXH	Giảng viên	343.65	217.35	158.1	1733	510	339.8	HTTNV			X							LĐTT		
521	Phạm Minh Giản	Khoa SP KHXH	Giảng viên	873.5	135	647.0	2846	600	474.3	HTTNV			X	QĐ 8701/QĐ- ĐHĐT (8838/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
522	Huỳnh Mộng Tuyền	Khoa SP KHXH	Giảng viên	885	270	327.8	4830	600	805.0	HTXSNV			X	X	BKB (HTXSNV) 1. 8735 /XNĐHĐT, 2. 8850 /XNĐHĐT					LĐTT, CSTĐCS	BK B	
523	Nguyễn Kim Chuyên	Khoa SP KHXH	Giảng viên	830	270	307.4	2370	600	395.0	HTTNV			X							LĐTT		
524	Nguyễn Thị Xuân Đài	Khoa SP KHXH	Giảng viên	638.9	135	473.3	1450	600	241.7	HTTNV			X	QĐ 3554/QĐ- ĐHĐT (XN 8902/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
525	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Khoa SP KHXH	Trưởng bộ môn	830	216	384.3	1133	480	236.0	HTTNV			X							LĐTT	
526	Trần Đại Nghĩa	Khoa SP KHXH	Giảng viên	968.88	270	358.8	5300	600	883.3	HTXSNV			X	X	BKB (HTXSNV) 1. 8826/XN- ĐHĐT 2. 8738/XN- ĐHĐT 3. 8824/XN- ĐHĐT 4. 8825/XN- ĐHĐT					LĐTT, CSTĐCS	BK B
527	Phạm Thế Hưng	Khoa SP KHXH	Giảng viên	960	270	355.6	270	400	67.5	HTTNV			X							LĐTT	
528	Lê Thị Vân Kiều	K SP KHXH	Giảng viên	501	168.75	296.9	1142	300	380.7	HTTNV			X	QĐ 3555/QĐ- ĐHĐT (8733/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
529	Huỳnh Thị Kiều Trâm	Khoa SP KHXH	Giảng viên	666	0		1067	600	177.8	HTTNV			X							LĐTT	
530	Đinh Ngọc Thắng	Khoa SP KHXH	Giảng viên	1040.27	270	385.3	680	600	113.3	HTTNV			X							LĐTT	
531	Nguyễn Thanh Thùy	Khoa SP KHXH	Giảng viên	275	270	101.9	600	200	300.0	HTTNV			X							LĐTT	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
532	Phùng Thái Dương	Khoa SP KHXH	Giảng viên	840	280	300.0	14525	600	2,420.8	HTXSNV			X	X	BK (CSTĐCS) 1. QĐ 3509/QĐ- ĐHĐT (8621/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3510/QĐ- ĐHĐT (8622/XN- ĐHĐT) 3. QĐ 3511/QĐ- ĐHĐT (8623/XN- ĐHĐT) 4. QĐ 3509/QĐ- ĐHĐT (8624/XN- ĐHĐT) 5. QĐ 3504/QĐ- ĐHĐT (8616/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BK B	
533	Hoàng Thị Việt Hà	Khoa SP KHXH	Giảng viên	452	189	239.2	1325	510	259.8	HTTNV			X	QĐ 8696/QĐ- ĐHĐT (8828/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
534	Nguyễn Thị Thanh Vân	Khoa SP KHXH	Giảng viên	910	225.4	403.7	750	510	147.1	HTTNV			X	QĐ 8719/QĐ- ĐHĐT (8866XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
535	Nguyễn Thanh Tâm	Khoa SP KHXH	Trưởng Bộ môn	729	216	337.5	120	480	25.0	HTTNV			X							LĐTT		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng		
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)												
536	Tôn Sơn	Khoa SP KHXH	Giảng viên	706	225	313.8	600	600	100.0	HTTNV			X							LĐTT	
537	Hồ Thị Huyền	Khoa SP KHXH	Giảng viên	87	67	129.9	200	150	133.3	HTTNV			X							LĐTT	
538	Lê Thị Anh	Khoa SP KHXH	Giảng viên	0	0		0	0		KĐG	X									Không xét	
539	Lương Văn Khuê	Khoa SP KHXH	Giảng viên	0	0		0	0		KĐG	X									Không xét	
540	Nguyễn Văn Dũng	Khoa SP Toán - Tin	Hiệu trưởng Trường Sư phạm	313	162	193.2	10400	360	2,888.9	HTTNV			X	QĐ 3471/QĐ- ĐHĐT (8586/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
541	Nguyễn Trung Hiếu	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	883.65	202.5	436.4	6350	480	1,322.9	HTXS NV			x	x						LĐTT, CSTĐCS	
542	Lê Trung Hiếu	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	627	216	290.3	6925	480	1,442.7	HTTNV			X	QĐ 3464/QĐ- ĐHĐT (8579/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
543	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	644.1	230	280.0	1070	530	201.9	HTTNV			X	QĐ 3581/QĐ- ĐHĐT (8763/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	
544	Trần Lê Nam	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	817	270	302.6	26000	600	4,333.3	HTTNV			x	QĐ 3465/QĐ- ĐHĐT (8580/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng									Kết quả thẩm định		
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
545	Lê Minh Cường	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	601.45	217.35	276.7	7755	510	1,520.6	HTTNV			X	1. QĐ 3473/QĐ- ĐHĐT (8588/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3474/QĐ- ĐHĐT (8589/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
546	Nguyễn Thị Ngọc Chi	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	468.7	131.93	355.3	1020	300	340.0	HTTNV			X							LĐTT		
547	Nguyễn Dương Hoàng	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	795.22	216	368.2	9300	480	1,937.5	HTTNV			X		B (hưu)					LĐTT	BKB (hưu)	
548	Võ Xuân Mai	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	814.5	229.5	354.9	4159	510	815.5	HTXSNV			X	QĐ 3466/QĐ- ĐHĐT (8581/XN- ĐHĐT)	BKB (CSTĐCS) 1. QĐ 3467/QĐ- ĐHĐT (8582/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 3468/QĐ- ĐHĐT (8583/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS	BKB
549	Nguyễn Long Phú	Khoa SP Toán - Tin	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)				Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng			
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)													
550	Võ Minh Tâm	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	0	0		12300	600	2,050.0	HTXSNV			X	QĐ 2802/QĐ- ĐHĐT (8555/XN- ĐHĐT)	BKB (HTXSNV) 1. QĐ 2798/QĐ- ĐHĐT (8551/XN- ĐHĐT) 2. QĐ 2822/QĐ- ĐHĐT (8921/XN- ĐHĐT)					LĐTT, CSTĐCS	BKB	
551	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	643.5	229.5	280.4	1323	510	259.4	HTTNV			X						LĐTT			
552	Huỳnh Ngọc Cẩm	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	638	229.5	278.0	1050	510	205.9	HTTNV			X						LĐTT			
553	Trần Lê Chân	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	400	270	148.1	1000	600	166.7	HTTNV			X						LĐTT			
554	Võ Thị Lệ Hằng	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	112.2	61.1	183.6	1400	600	233.3	HTTNV			X						LĐTT			
555	Võ Thị Lài	Khoa SP Toán - Tin	Chuyên viên	0	0		0	0		HTTNV			X						LĐTT			
556	Nguyễn Thị Thanh Lý	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	59.4	0	100.0	1400	600	233.3	HTTNV			X						LĐTT			
557	Nguyễn Trọng Nhân	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	525	226	232.3	1200	510	235.3	HTXSNV			X	x					LĐTT, CSTĐCS			
558	Ngô Tấn Phúc	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	346.5	194.4	178.2	2175	510	426.5	HTXSNV			X	x					LĐTT, CSTĐCS			

Stt	Họ và tên	Đơn vị	Vị trí việc làm	Đối với viên chức có tham gia giảng dạy						Kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, nhân viên năm học 2023-2024	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng										Kết quả thẩm định	
				Giảng dạy			NCKH				Cấp Trường				Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước							
				(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)			(từ 01/07/2023 đến 30/06/2024)															
				Giờ dạy (đã quy chuẩn)	Tổng định mức giảng dạy	Tỷ lệ % đạt được (%)	Giờ NCKH (đã quy chuẩn)	Tổng định mức NCKH	Tỷ lệ % đạt được (%)		Không xét	Không đạt LĐTT	LĐTT	CSTĐCS	BK Bộ/ Tỉnh	CSTĐ Bộ	CST Đ TQ	BK của TTCP	Huân chương các hạng	Cấp Trường	Khen cao	
559	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	562	229.5	244.9	1620	510	317.6	HTTNV			X	QĐ 3535/QĐ- ĐHĐT (8762/XN- ĐHĐT)						LĐTT, CSTĐCS		
560	Võ Đức Thịnh	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	0	0		0	0		HTTNV			X							LĐTT		
561	Trần Thụy Hoàng Yến	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	353.45	90.45	390.8	1300	510	254.9	HTTNV			X							LĐTT		
562	Trần Huỳnh Lê	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	0	0		0	0		Không đánh giá	x									Không xét		
563	Đặng Quốc Bảo	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	0	0		0	0		Không đánh giá	x									Không xét		
564	Nguyễn Minh Kha	Khoa SP Toán - Tin	Giảng viên	0	0		0	0		Không đánh giá	x									Không xét		
Tổng cộng											35	16	507	316	35	0	0	6	0			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP
HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ BÌNH XÉT DANH HIỆU THI ĐUA VÀ CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CHO TẬP THỂ
NĂM HỌC 2023-2024**

TT	Đơn vị	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng						Ghi chú	
		Cấp Trường	Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
			Tập thể LĐTT	Tập thể LĐXS	Cờ thi đua Bộ	BK của Bộ/Tỉnh	BK của		Huân chương
							TTCP		các hạng
1	Phòng Thanh tra - Pháp chế	X							
2	Phòng TCCB	X							
3	Phòng HC-TH	X							
4	Phòng Công tác sinh viên và Truyền thông	X							
5	Phòng Đào tạo	X							
6	Phòng Bảo đảm chất lượng	X							
7	Phòng Kế hoạch - Tài chính	X							
8	Phòng Thiết bị và XDCB	X							
9	Phòng Khoa học và Công nghệ	X	X	X					
10	Phòng Hợp tác quốc tế	X							
11	TT Học liệu Lê Vũ Hùng	X							
12	Trường THSPMN Hoa Hồng	X	X						
13	TT. Ngoại ngữ và Tin học	X							
14	Trung tâm Dịch vụ	X							
15	Khoa Văn hóa - Du lịch &CTXH	X							
16	Phòng Đào tạo Sau đại học	X	X		B				
17	Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm	X							
18	Trung tâm LKĐT-BDN	X							

TT	Đơn vị	Kết quả bình xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng						Ghi chú	
		Cấp Trường	Cấp Tỉnh/ Bộ/ Nhà nước						
			Tập thể LĐT	Tập thể LDXS	Cờ thi đua Bộ	BK của Bộ/Tỉnh	BK của		Huân chương
							TTCP		các hạng
19	Phòng Công tác Đảng - Đoàn thể	X							
20	Khoa Kinh tế - Luật	X	X	X					
21	Khoa Ngoại ngữ	X							
22	Khoa NN, TN & MT								
23	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	Không xét do thành lập dưới 6 tháng							
24	Trường Sư phạm	Không xét do thành lập dưới 6 tháng							
25	Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non	X							
26	Khoa SP Toán - Tin	X	X						
27	Khoa SP Khoa học tự nhiên	X							
28	Khoa GDTC - SP Nghệ thuật	X							
29	Khoa SP Khoa học xã hội	X							
30	Khoa Giáo dục Chính trị	Không xét do thành lập dưới 6 tháng							